

CHUYÊN ĐỀ MÔN HỌC



KẾ TOÁN EXCEL

GV: NGUYEN NGOC MINH

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM

NỘI DUNG

1. Tạo bảng, dùng hàm, các chức năng macro, validation, advanced filter, lập được phiếu thu-chi, phiếu nhập xuất, thẻ kho, báo cáo tài chính ... tương tự file Kế toán Excel 2011: **2 điểm**
2. Làm được Form như form đăng nhập hệ thống, cây thư mục, form nhập liệu và hiểu về VBA (phiếu nhập xuất, thu chi...): **3 điểm**
3. Tạo được Ribon người dùng cho file sử dụng như các Tab, Group, Control ...: **3 điểm**
4. Có ý hay, sáng tạo: **2 điểm**

TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

RIBON

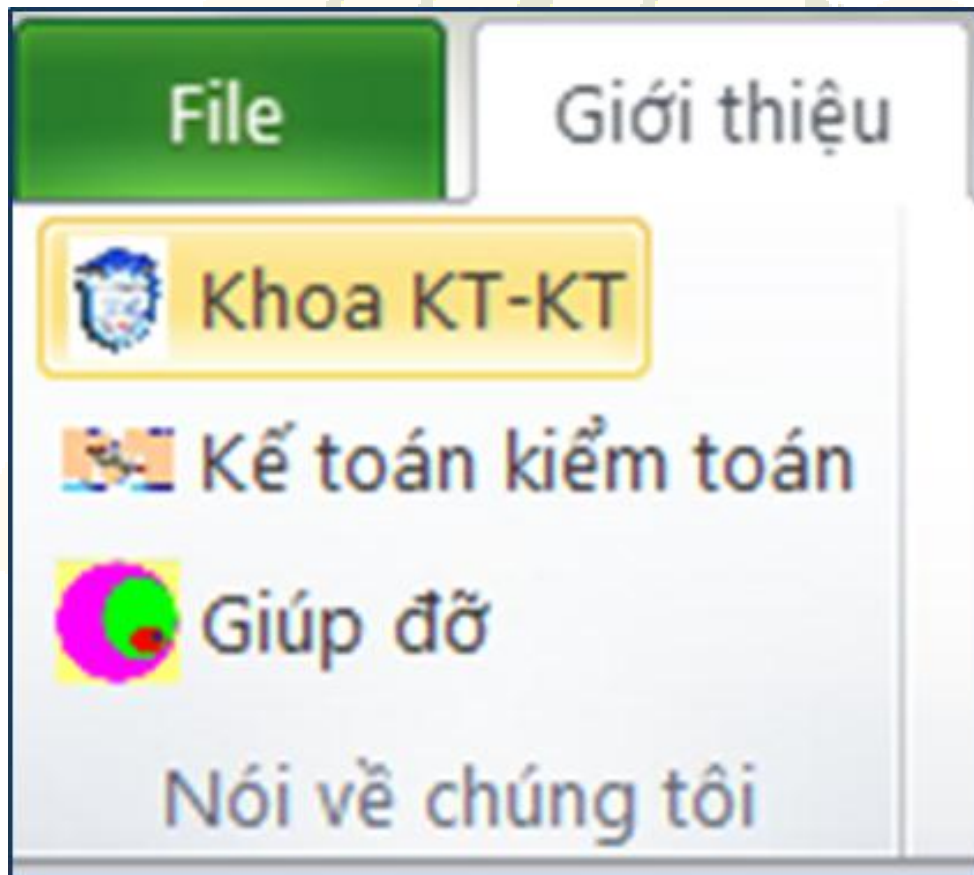
GV: NGUYEN NGOC MINH

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Giả sử ta muốn tạo một Ribbon như sau:



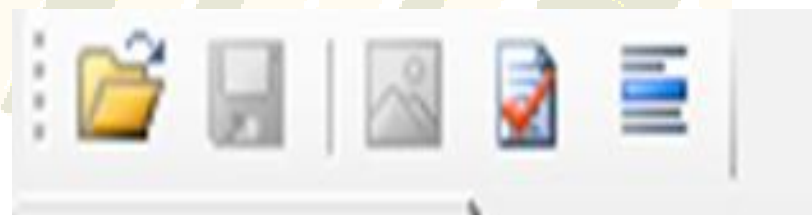
Nếu bạn muốn thay đổi giao diện Ribbon trong Excel 2010, bạn phải thêm RibbonX (xml) vào file customUI14.xml bên trong tập tin Excel của bạn.



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Trước tiên bạn kiểm tra xem máy bạn đã có phiên bản NET framework 3 hoặc 4 chưa, sau đó bạn cài Custom UI Editor For Microsoft Office (trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh). Đây là phiên bản của giao diện người dùng Custom Editor cung cấp cho bạn một tùy chọn để chèn một tập tin customUI14.xml cho Excel 2010 (nếu Excel 2007 thì là customUI.xml)

Khi mở trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh, bạn sẽ thấy rằng có 5 nút menu trên trình đơn thanh công cụ như sau.



Open: Mở file Excel mà bạn muốn chỉnh sửa (thay đổi giao diện Ribbon cho tập tin này)

Save: Lưu RibbonX trong tập tin mà bạn đã mở trong trình soạn thảo giao diện người dùng (Không có thể save khi tập tin được mở ra trong Excel)



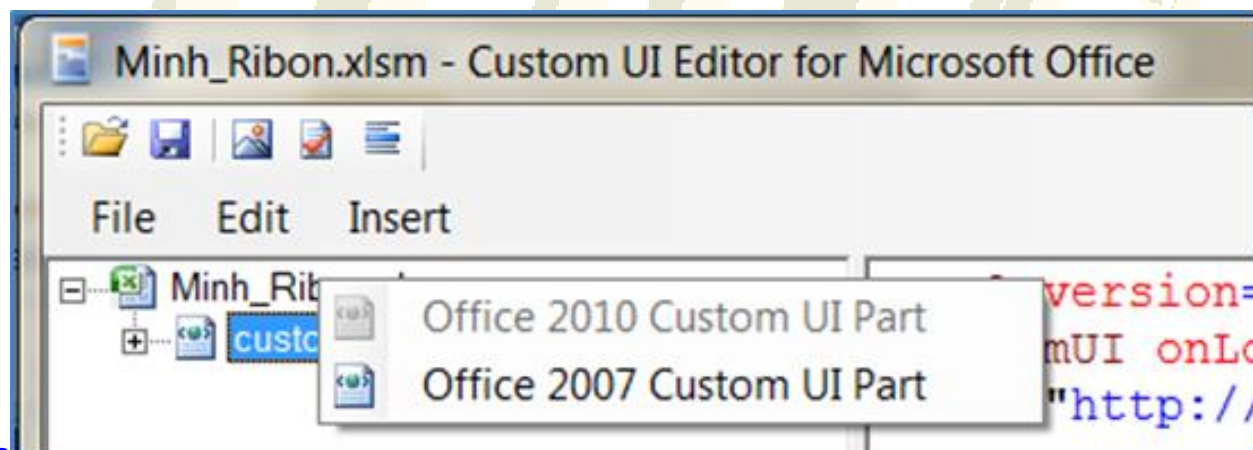
TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Insert Icons : Chèn các biểu tượng của riêng bạn trong tập tin (các biểu tượng sẽ được lưu trong tập tin)

Validate : Xác nhận RibbonX của bạn vì vậy bạn phải chắc chắn rằng có không có lỗi chính tả

Generate Callbacks : Tạo Callback - Điều này sẽ tạo ra các macro (callbacks) cho mỗi hoạt động bạn có trong RibbonX. Chọn tất cả các callbacks và sao chép chúng vào trong một mô-đun bình thường trong bảng tính của bạn.

Thực hiện: Bạn mở một tập tin Excel trong trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh, click phải vào tên tập tin và chọn: Office 2010 Custom UI Part để tạo ra các tập tin customUI14.xml



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Các bước thực hiện:

1. Mở một workbook mới và lưu nó dưới dạng .xlsm ví dụ Minh_Ribon.xlsm (Excel Macro-Enabled workbook)
2. Đóng bảng tính
3. Mở Minh_Ribon.xlsm trong trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh
4. Nhấp chuột phải vào tên tập tin trong trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh hoặc sử dụng menu Insert
5. Chọn "Office 2010 Custom UI Part" để tạo ra các tập tin customUI.xml
6. Dán RibbonX dưới đây trong cửa sổ bên phải

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
```

```
<customUI onLoad="RibbonOnLoad"
```

```
xmlns="http://schemas.microsoft.com/office/2009/07/customui">
```

```
<ribbon startFromScratch="true">
```



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

<tabs>

```
<tab id="T_Minh_1" label="Gioi thieu" insertAfterMso="TabHome"
getVisible="GetVisible" tag="XMinh_1">
```

```
<group id="G_Minh_1" label="Noi ve chung toi">
```

```
<button id="B_Minh_1" label="Khoa KT-KT" size="normal"
onAction="Mar_Minh_T1_1" image="logo_khoa" />
```

```
<button id="B_Minh_2" label="Ke toan Excel" size="normal"
onAction="Mar_Minh_T1_2" image="Hinh_nen" />
```

```
<button id="B_Minh_3" label="Giup do" size="normal"
onAction="Mar_Minh_T1_3" image="Giup_do" />
```

```
</group>
```

```
</tab>
```

```
</tabs>
```

```
</ribbon>
```

```
</customUI>
```

NG. NG. MINH



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Bạn có thể kiểm tra xem đoạn mã trên có bị lỗi hay không bằng cách nhấp chuột vào nút Validate 

7. Lưu các thay đổi của bạn trong trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh (click vào nút Save) và đóng lại (Chọn File -> Exit)

8. Mở tập tin trong Excel -> chọn Ribbon Developer -> Visual Basic (hoặc nhấn Alt + F11). Chọn menu Insert Module. Sao chép macro dưới đây phần trong module:

```
Sub Mar_Minh_T1_1(control As IRibbonControl)
```

```
MsgBox "    Khoa KT-KT xin chao ban !    " & Chr(13) & Chr(13) & _  
"FILE CHI DUNG CHO HE DAI HOC"
```

```
End Sub
```

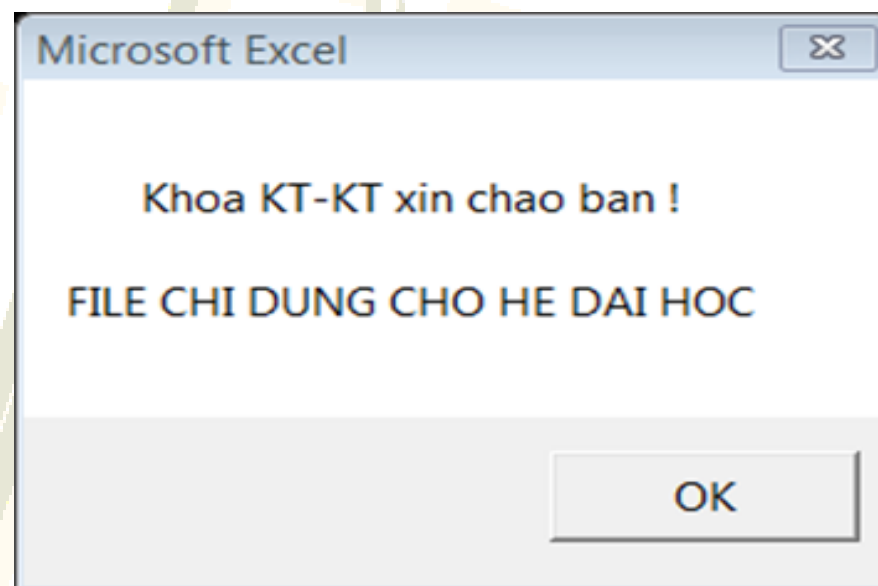
Bạn cũng có thể kiểm tra xem đoạn macro trên có bị lỗi hay không bằng cách vào menu Debug, chọn Compile VBAProject



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

9. Lưu các thay đổi của bạn và đóng lại

Bây giờ bạn có thể kiểm tra xem kết quả đã làm. Mở file Minh_Ribbon, bạn sẽ thấy đã tạo được một ribbon như sau:



Và khi vào Ribbon Gioi thieu, nhấn Button Khoa KT-KT, bạn sẽ thấy macro đã được thực thi như hình bên phải.



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

Tuy nhiên, Custom UI Editor For Microsoft Office lại không hỗ trợ Unicode. Vậy là sao để có giao diện tiếng Việt?

Nếu chú ý bạn sẽ thấy Excel 2010 là các file zip, vì vậy nếu bạn thay đổi phần mở rộng thành zip và mở các tập tin trong chương trình zip của bạn, bạn thấy rằng có một vài thư mục bên trong zip.

Nên bạn cần làm thêm các bước sau:

- 1. Mở trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh mở file Minh_Ribon.xlsm và dùng bảng mã TCVN3 (ABC) hoặc VNI Windows để đưa đoạn mã vào.**
- 2. Đổi đuôi file từ Minh_Ribon.xlsm thành Minh_Ribon.xlsm.zip (chỉ là đổi đuôi thôi, chứ không nén file).**
- 3. Dùng WinRar hoặc Winzip mở file Minh_Ribon.xlsm.zip (chú ý là không được giải nén). Mở tới thư mục \customUI, chọn file customUI14.xml, bấm nút “Extract to” đến nơi cần lưu file customUI14.xml.**



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

4. Dùng NotePad để mở file customUI14.xml (nó nằm trong thư mục mà bạn đã “Extract to”, nhớ chọn All file), sau đó dùng Unikey (Nhấn Ctrl+Shift+F6) để convert chuỗi sang Unicode, copy đoạn đã convert này thay thế cho chuỗi cũ trong file customUI14.xml và lưu lại.
5. Trong cửa sổ Winrar (Winzip), chọn nút "Add" và tìm tới file customUI14.xml rồi chọn "OK".
6. Đổi đuôi file từ Minh_Ribon.xlsm.zip thành Minh_Ribon.xlsm.
7. Mở file Minh_Ribon.xlsm lên kiểm tra xem Ribbon đã được thực thi tiếng Việt chưa.



TẠO RIBON NGƯỜI DÙNG

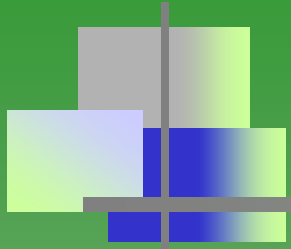
Vậy làm thế nào để đưa các biểu tượng của riêng tôi vào trong Ribbon?

Bạn hãy thực hiện các bước sau:

- 1. Trước hết bạn phải có các file hình ảnh dạng Png hoặc Icon**
- 2. Mở tập tin Minh_Ribon.xlsm trong trình soạn thảo giao diện người dùng tùy chỉnh**
- 3. Click chuột phải vào customUI14.xml, chọn Insert Icons (hoặc vào menu Insert chọn Icons...) để chèn các file hình ảnh của bạn vào sẽ thấy nó ngay dưới customUI14.xml. Nếu không thấy thì bạn hãy nhấn vào nút + ngay trước customUI14.xml.**
- 4. Nếu file ảnh bạn là logo_khoa thì đoạn mã sẽ là image="logo_khoa" (chú ý là image chứ không phải là imageMso nhé – vì đó là icon của Microsoft)**

Thực hiện xong các công việc trên. Nếu mở file Minh_Ribon.xlsm mà bạn thấy kết quả như trên là bạn đã thành công bước đầu.





VBA EXCEL

GV: NGUYEN NGOC MINH

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM



VBA EXCEL

- VBA (Visual Basic for Application) là ngôn ngữ được Microsoft phát triển dành riêng cho các ứng dụng thuộc bộ Office với mục đích xây dựng các ứng dụng phức tạp. VBA trong MS Excel là một phần trong đó.
- VBA sử dụng ngôn ngữ lập trình Visual Basic, một ngôn ngữ lập trình tương đối dễ sử dụng và phổ biến nhất thế giới.

Cấu trúc của một dự án VBA:

- Mô-đun chuẩn (Module): là nơi chứa các mã lệnh khai báo, các chương trình con (hàm và thủ tục)
- Mô-đun lớp (Class Module): là nơi chứa định nghĩa cho các lớp của dự án
- UserForm: là giao diện dạng hộp thoại giúp cho việc giao tiếp giữa người sử dụng và chương trình được thuận tiện.

Mở một dự án VBA:

- Cho hiển thị Ribbon Developer (Vào File/Option/Customize ribbon -> chọn Maintab -> check vào Developer).
- Chọn Tab Developer/Visual Basic (hoặc nhấn Alt+F11)



VBA EXCEL

Cửa sổ VBA:

Microsoft Visual Basic for Applications - KeToanExcel_DH.xlsm

File Edit View Insert Format Debug Run Tools Add-Ins Window Help

Project - VBAProject

VBAProject (KeToanExcel_DH)

- Microsoft Excel Objects
 - Sheet1 (Du_Lieu)
 - Sheet2 (Danh muc)
 - Sheet3 (Soure)
 - Sheet4 (Sheet2)
 - Sheet5 (Sheet1)

KeToanExcel_DH.xlsm - F...

MinhTreeView Click

```
Private Sub cmdThoat_Click()  
Unload Me  
End Sub  
Private Sub MinhTreeView_Click()  
'Khai bao bien  
Dim MenuIndex As St
```

Toolbox

Controls

Object Browser

<All Libraries>

Classes

- <globals>
- AboveAverage
- Action
- Actions
- AddIn
- AddIns
- <globals>

Members of '<

- AA
- Abs
- ActiveCe
- ActiveCh
- ActivePri
- ActiveSh

KeToanExcel_DH.xlsm - F...

Ke toan Excel

- Sample Node
 - Sample Node
 - Sample Node
- Sample Node

Properties - FrmMain

FrmMain UserForm

Alphabetic Categorized

(Name)	FrmMain
BackColor	&H80000000
BorderColor	&H80000012&
BorderStyle	0 - fmBorderStyleM
Caption	Ke toan Excel
Cycle	2 - fmCycleCurrent
DrawBuffer	32000
Enabled	True



VBA EXCEL

1. Thanh trình đơn (Menu bar):

Chứa tất cả các lựa chọn cần thiết để thao tác với VBA:

2. Cửa sổ dự án (Project Explorer Window):

Liệt kê dưới dạng cây phân cấp các dự án hiện đang được mở trong VBA và các thành phần có trong dự án

3. Cửa sổ mã lệnh (Code Window):

Người dùng có thể hiệu chỉnh mã lệnh, tạo ra mã lệnh mới trong cửa sổ mã lệnh.

4. Cửa sổ tra cứu đối tượng (Object Browser Window):

Hiển thị các lớp, phương thức, thuộc tính, sự kiện và hằng số có trong thư viện đối tượng và trong dự án mà người dùng vừa tạo.



VBA EXCEL

5. Cửa sổ đối tượng trực quan (Visual Object Window):

Cho phép người dùng thao tác trên các điều khiển một cách dễ dàng và thuận tiện

6. Hộp công cụ chứa điều khiển (Tool Box):

Chứa các thanh công cụ giúp người dùng có thể chèn các điều khiển vào cửa sổ người dùng (UserForm).

7. Cửa sổ thuộc tính (Properties Window):

Cửa sổ này liệt kê tất cả các thuộc tính của đối tượng, qua đó người dùng có thể tham khảo và thay đổi các thuộc tính khi cần.



VBA EXCEL

Sub - Function :

VBA chủ yếu dùng để tạo các Sub (thủ tục) hay các Function (hàm).

Sự khác biệt giữa Sub và Function là:

- Sub thi hành một khối lệnh nào đó và không có giá trị trả về và chỉ có thể gọi Sub từ một Sub hay Function khác.
- Function cũng thi hành một khối lệnh nhưng nó có giá trị trả về và có thể gọi Function ở cả Sub, Function khác hay gọi trong Form, Macro.

Phương thức (Method) và thuộc tính (Property):

Phương thức: thực thi một hành động nào đó

Thuộc tính: mô tả về giá trị nó đang có, ta có thể lấy giá trị trả về hay xác lập thuộc tính (trừ những thuộc tính chỉ đọc)

Vd:

Me.Phai = "Nam" (ta có thể lấy hay gán giá trị cho nó)

Me.Listbox.AddItem (nó chẳng trả về giá trị nào cả)



VBA EXCEL

Public - Private :

- **Public:** khi viết hàm, thủ tục nếu ta khai báo là Public thì nó sẽ có thể được sử dụng ở trong các module, class khác, tóm lại là có thể sử dụng ở mọi nơi.
- **Private:** chỉ có thể sử dụng trong phạm vi module, class hiện hành
- Nếu không chỉ rõ là Public hay Private thì kiểu mặc định là Public

Module – Class:

- Các đoạn code ta viết trong Form gọi là Class. Còn các đoạn code ta viết trong thẻ Module gọi là Module
- Điểm khác nhau cơ bản của Module và Class là :

Trong Module nếu ta khai báo hàm, thủ tục là Public thì ta có thể sử dụng tên hàm, thủ tục ở mọi nơi, còn khi ta muốn tham chiếu đến một hàm, thủ tục được khai báo Public trong Class thì ta phải sử dụng phương thức: Tên Form.Tên hàm, thủ tục



VBA EXCEL

Các kiểu dữ liệu trong VBA :

Kiểu dữ liệu	Kích thước	Vùng giá trị
Byte	1 byte	0 > 255
Integer	2 bytes	-32,768 > 32,767
Long	4 bytes	-214,763,748 > 214,763,747
Single	4 bytes	- 3,4 x 10 ³⁸ > 3,4 x 10 ³⁸ (chứa được 7 số lẻ)
Double	8 bytes	-1,97 x 10 ³⁰⁸ > 1,97 x 10 ³⁰⁸ (chứa được 14 số lẻ)
Boolean	1 byte	-1/ 0 hoặc True/ False (tương đương kiểu Yes/ No trong Table)
String(variable – length)	10 bytes + string length	0 ... 2 ³¹ ký tự
String(fixed – length)	Length of string	1...65.400 ký tự
Currency	8 bytes	-922,3373,203,685,479 > 922,3373,203,685,477
Date	8 bytes	1/1/100 > 31/12/9999
Kiểu người dùng	x	Kiểu này do người dùng định nghĩa



VBA EXCEL

Khai báo biến:

- Dim <Tên biến> As <Kiểu biến>
- Vd: Dim a As Integer => Tức khai báo biến a là kiểu số nguyên

Khai báo hằng (giá trị cố định):

- Dùng Const
- Vd: Const Pi = 3.14



VBA EXCEL

Phương pháp quy chiếu đến dữ liệu trong Excel:

- Đến 1 sheet

- Đi đến sheet thứ N: `SheetN`, `Sheets(N)`, `WorkSheetN`, `WorkSheets(N)`
- Đi đến sheet có tên là M: `Sheets("M")`, `WorkSheets("M")`

- Đến 1 cell:

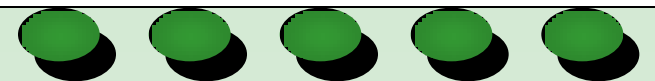
- `SheetM.Cells(hàng, cột)` => đi đến ô trong sheet có tên `SheetM`
- `WorkSheets(N).Cells(hàng, cột)` => đi đến ô trong sheet thứ N

-Thêm 1 dòng trong sheet:

- `SheetM.Rows(i).Insert` => Chèn thêm 1 dòng vị trí hàng i

-Xóa 1 dòng trong sheet:

- `SheetM.Rows(i).Delete` => Xóa 1 dòng vị trí hàng i



VBA EXCEL

-Thêm 1 cột trong sheet:

- `SheetM.Columns(i).Insert` => Chèn thêm 1 cột vị trí hàng i

-Xóa 1 cột trong sheet:

- `SheetM.Columns(i).Delete` => Xóa 1 cột vị trí hàng i

Khai báo hàm:

`Function<Tên hàm>([Tên biến] As [Kiểu biến])`

- Các khai báo biến cục bộ
- Các lệnh của hàm

`End Function`



VBA EXCEL

Khai báo thủ tục:

Sub<Tên thủ tục>([Danh sách biến])

- Các khai báo biến cục bộ
- Các lệnh của hàm

End Sub

Ví dụ: Tạo hàm tính giai thừa

Function MGT(n As Byte) As Long

Dim i As Byte

MGT = 1

For i = 1 To n

MGT = MGT * i

Next i

End Function

BT: Lập hàm tính X^n



VBA EXCEL

Các cấu trúc điều khiển:

Cấu trúc tuần tự:

Có dạng: - Câu lệnh 1
 - Câu lệnh 2

```
If < Điều kiện > then  
    Các câu lệnh  
End If
```

Cấu trúc phân nhánh:

```
If <Điều kiện> Then  
    Các câu lệnh nếu điều kiện đúng  
Else  
    Các câu lệnh nếu điều kiện sai  
End If
```



VBA EXCEL

Cấu trúc lựa chọn Select Case ...:

Select Case <Biểu thức kiểm tra>

Case <Thỏa mãn giá trị 1>

[Các lệnh nếu kiểm tra thỏa mãn giá trị 1]

Case <Thỏa mãn giá trị 2>

[Các lệnh nếu kiểm tra thỏa mãn giá trị 2]

....

Case Else

[Các lệnh nếu kiểm tra không thỏa mãn các giá trị trên]

End Select

Vòng lặp While...Wend: Vòng lặp sẽ thực lệnh "nhóm_lệnh" nếu "điều_kiện" vẫn còn đúng.

While điều_kiện

nhóm_lệnh

Wend



VBA EXCEL

Ví dụ: Tính tổng 100 số đầu tiên:

```
Dim i, N, S As Integer
```

```
N = 100
```

```
S = 0
```

```
i = 1
```

```
While i < N
```

```
    S = S + i
```

```
    i = i + 1
```

```
Wend
```

```
MsgBox "Tổng của 100 số tự nhiên đầu tiên là: " & S
```



VBA EXCEL

Cấu trúc Do While ... Loop: Vòng lặp thực hiện cho đến khi nào điều kiện vẫn còn đúng.

```
Do While <Điều kiện>  
    [Các lệnh nếu điều kiện đúng]  
Exit Do
```

Loop

Vd: Hiện lên 10 dòng

```
Dim i As Byte, MString As String
```

```
i = 1
```

```
Do While i <= 10
```

```
    MString = MString & "Dong: " & i & vbCrLf
```

```
    i = i + 1
```

```
Loop
```

```
MsgBox MString
```



VBA EXCEL

Cấu trúc Do Until ... Loop: Vòng lặp thực hiện cho đến khi nào gặp điều kiện đúng.

```
Do Until <Điều kiện>  
    [Các lệnh nếu điều kiện không thỏa mãn]  
Exit Do  
Loop
```

Cấu trúc Do ... Loop While: Tương tự Do While ... Loop, nhưng có thể không thực hiện lần nào.

```
Do    [Các lệnh]  
Exit Do  
Loop While <Điều kiện>
```

Cấu trúc Do ... Loop Until: Ngược lại vòng lặp Do ... Loop While

```
Do    [Các lệnh]  
Exit Do  
Loop Until <Điều kiện>
```



VBA EXCEL

Ví dụ: Tính tổng các số lẻ từ 1 đến 100

```
Sub MCongsole()  
  Dim i As Integer, Ketqua As Integer  
  i = 1  
  Do  
    Ketqua = Ketqua + i  
    i = i + 2  
  Loop Until i > 100  
  ActiveSheet.Range("A1") = Ketqua  
End Sub
```



VBA EXCEL

Cấu trúc lặp xác định: For

For <Biến>=<Giá trị đầu> To <Giá trị cuối> [Step<bước>]

[Các lệnh]

Exit For

Next <Biến>

Ví dụ: Sử dụng vòng lặp For, tính tổng 100 số tự nhiên đầu tiên

```
Sub TinhTong()
```

```
Dim i, N, S as Integer
```

```
N=100
```

```
S=0
```

```
i=1
```

```
For i=1 to N Step 1
```

```
    S= S+i
```

```
Next i
```

```
MsgBox "Tổng 100 số tự nhiên đầu tiên là: "& S
```

```
End Sub
```



TẠO FORM

FORM

GV: NGUYEN NGOC MINH

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM

TẠO FORM

Phần này hướng dẫn bạn tạo một Form người dùng trong Excel
Ví dụ chúng ta sẽ Userform như sau:

The screenshot shows a UserForm window titled "Tập làm Form" with the following content:

- Header: **Đại học kế toán 4** (left) and **Khoa KT - KT** (right).
- Title: **KHẢO SÁT NGHỀ NGHIỆP** (centered in large purple letters).
- Fields:
 - Họ và tên:
 - Số điện thoại:
 - Công việc:
 - Mức độ hài lòng về công việc:
- Image: A koala image with the label "Hình" below it.
- Buttons: "Nhập tiếp" and "Thoát".
- Bottom Section:
 - Tình Trạng:
 - Hôn nhân:
 - Phái:
 - Số con:

TẠO FORM

Cách tạo Userform

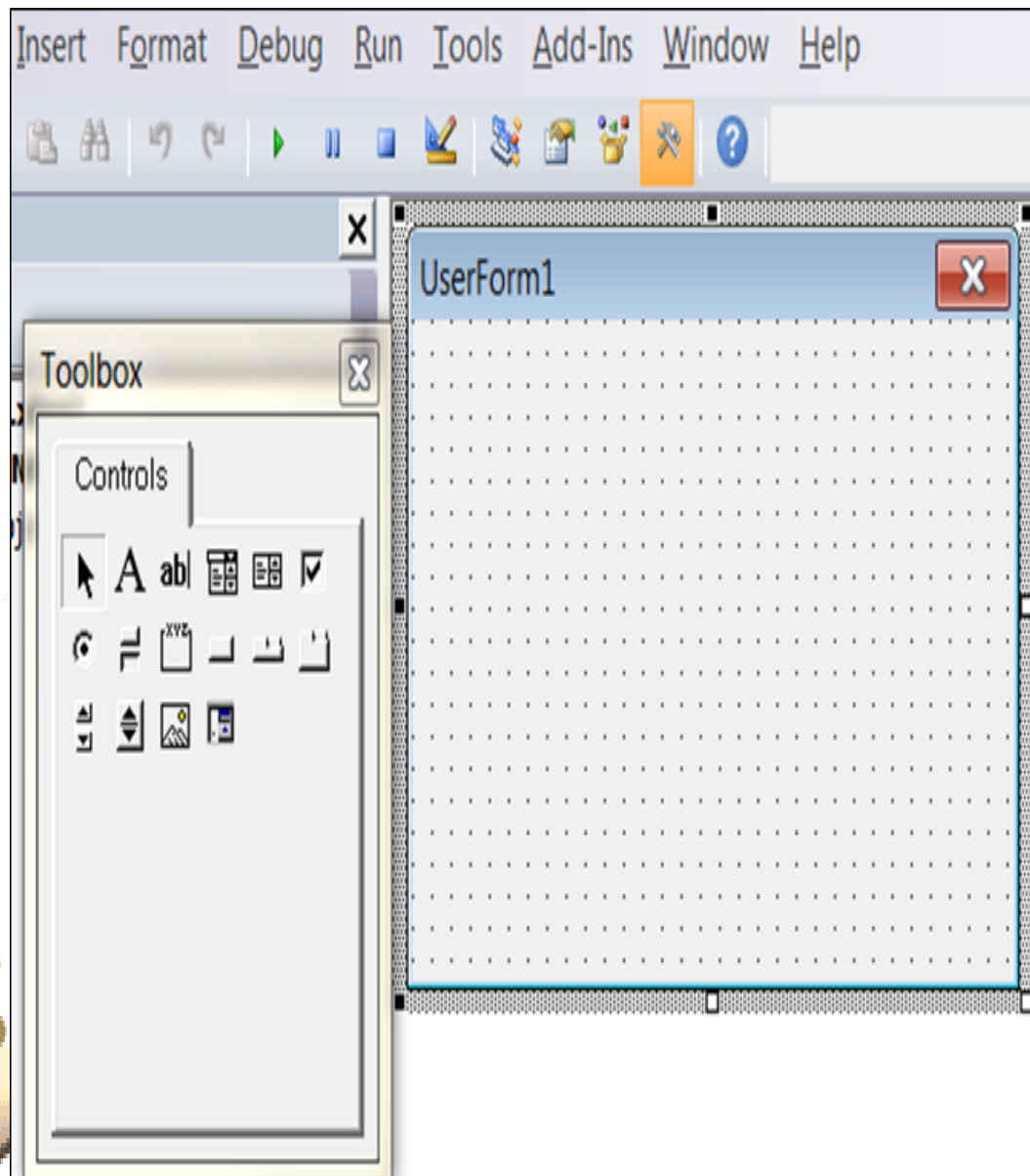
- Cho hiển thị Ribon Developer (Vào File/Option/Customize ribbon -> chọn Maintab -> check vào Developer).
- Chọn Tab Developer/Visual Basic (hoặc nhấn Alt+F11)
- Chọn menu Inset/UserForm

Cửa sổ hiện lên như sau:

Nếu hộp công cụ không tự động xuất hiện, click vào View và sau đó chọn Toolbox



TẠO FORM



Giới thiệu về hộp thoại Toolbox:

- Label - Nhãn
- Textboxes - Hộp văn bản
- Listbox – Hộp danh sách
- Combobox – Hộp chọn
- Checkbox - Hộp kiểm
- Option button - Nút lựa chọn
- Frames - Khung
- Command button – Nút lệnh
- Spin button – Nút Spin
- ScrollBar – Thanh cuộn

TẠO FORM

Thay đổi tên và thuộc tính: Nhấn chuột phải , sau đó chọn vào Properties để thực hiện

Label (Nhãn) : Các chữ như Đại học kế toán 4, Khảo sát nghề nghiệp, họ tên ... là Label



Chọn chữ A trên hộp Toolbox, sau đó vạch 1 đường trong form, gõ chữ vào, và định dạng lại bằng cách: Chọn label muốn định dạng, nhấn chuột phải, sau đó chọn vào Properties để thực hiện

TẠO FORM

Một số thuộc tính chính:

Name – tên

Caption: thể hiện lên

BackColor: màu nền

BackStyle: kiểu nền




Enabled: Có thể thực hiện

Font: Kiểu chữ

Forecolor: Màu chữ

Picture: Chọn ảnh nền

Visible: hiện lên

(Name)	Label1
Accelerator	
AutoSize	False
BackColor	 &H00FFFF80&
BackStyle	1 - fmBackStyleOpaque
BorderColor	 &H80000006&
BorderStyle	0 - fmBorderStyleNone
Caption	Đ?i h?c k? toán 4
ControlTipText	
Enabled	True
Font	Tahoma
ForeColor	 &H000000FF&
Height	24
HelpContextID	0
Left	6
MouseIcon	(None)
MousePointer	0 - fmMousePointerDefault
Picture	(None)
PicturePosition	7 - fmPicturePositionAboveCenter
SpecialEffect	0 - fmSpecialEffectFlat
TabIndex	0
TabStop	False
Tag	

TẠO FORM

Textbox: Chọn ký hiệu abl

Một số thuộc tính:

ControlSource: Dữ liệu đưa vào

ControlTipText: Hướng dẫn hiện lên

TextAlign: Canh đoạn text

Locked: Khóa

ScrollBars: Có cho thanh cuộn hay không (trường hợp nội dung quá dài).

WordWrap: Có cho phép chữ tự động xuống dòng không.



TẠO FORM

Image: Hình chọn lý hiệu



Một số thuộc tính:

PictureSizeMode: Chọn cỡ hình

SpecialEffect: Chọn hiệu ứng đặc biệt

ComboBox: Hộp chọn



Một số thuộc tính:

BoundColumn: Cột lấy giá trị

ColumnCount: Số cột cho hiện lên

ColumnHeads: Tiêu đề cột

ColumnWidths: Độ rộng các cột

ControlSource: Nơi dữ liệu đưa vào

TẠO FORM

ComboBox: Hộp chọn



Một số thuộc tính:

BoundColumn: Cột lấy giá trị

ColumnCount: Số cột cho hiện lên

ColumnHeads: Tiêu đề cột

ColumnWidths: Độ rộng các cột

ControlSource: Nơi dữ liệu đưa vào

DropbuttonStyle: Kiểu nút sổ xuống

ListRow: Số dòng sổ xuống

ListStyle: Kiểu danh sách

RowSource: Nơi dữ liệu đưa lấy (nguồn)

TabIndex: Thứ tự

TẠO FORM

ListBox: Hộp danh sách



Một số thuộc tính:

Tương tự ComboBox, tuy nhiên chiếm nhiều diện tích vì danh sách có sẵn trên form

MultiPage: Tạo trang



Một số thuộc tính:

TabOrientation: Chọn kiểu Tab



TẠO FORM

Frame: Làm việc với nhóm

Một số thuộc tính:

OptionButton: Nút Option

MousePointer: Chọn kiểu chuột

ScrollBar: Cho thanh cuộn hiện lên

GroupName: Tên Group

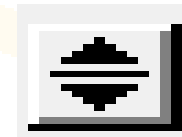


TẠO FORM

ToggleButton: Nút Toggle: chọn kiểu thay phiên



SpinButton: Nút Spin: tăng giảm giá trị



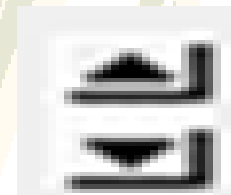
Một số thuộc tính:

Max: Giá trị lớn nhất

Min: Giá trị nhỏ nhất

SmallChange: Giá trị mỗi lần thay đổi.

ScrollBar: Thanh cuộn:



Một số thuộc tính:

Tương tự nút Spin, nhưng có thanh cuộn ở giữa.

VÍ DỤ VỀ VBA & FORM

GV: NGUYEN NGOC MINH

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

VD1: Tạo một Form đăng nhập như sau:



The screenshot shows a Windows-style dialog box titled "Dang nhap he thong" with a close button (X) in the top right corner. The background is yellow. Inside the dialog, there are two input fields: the first is labeled "Tên đăng nhập:" and contains the text "nguyennngocminh"; the second is labeled "Mật khẩu:" and contains a series of red asterisks followed by a cursor. Below the input fields are two buttons: "Đăng Nhập" on the left and "Thoát" on the right. The entire dialog box is highlighted with a large, irregular magenta and green brushstroke.

- Cho hiển thị Ribon Developer (Vào File/Option/Customize ribbon -> chọn Maintab -> check vào Developer).
- Chọn Tab Developer/Visual Basic (hoặc nhấn Alt+F11)
- Chọn menu Inset/UserForm



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

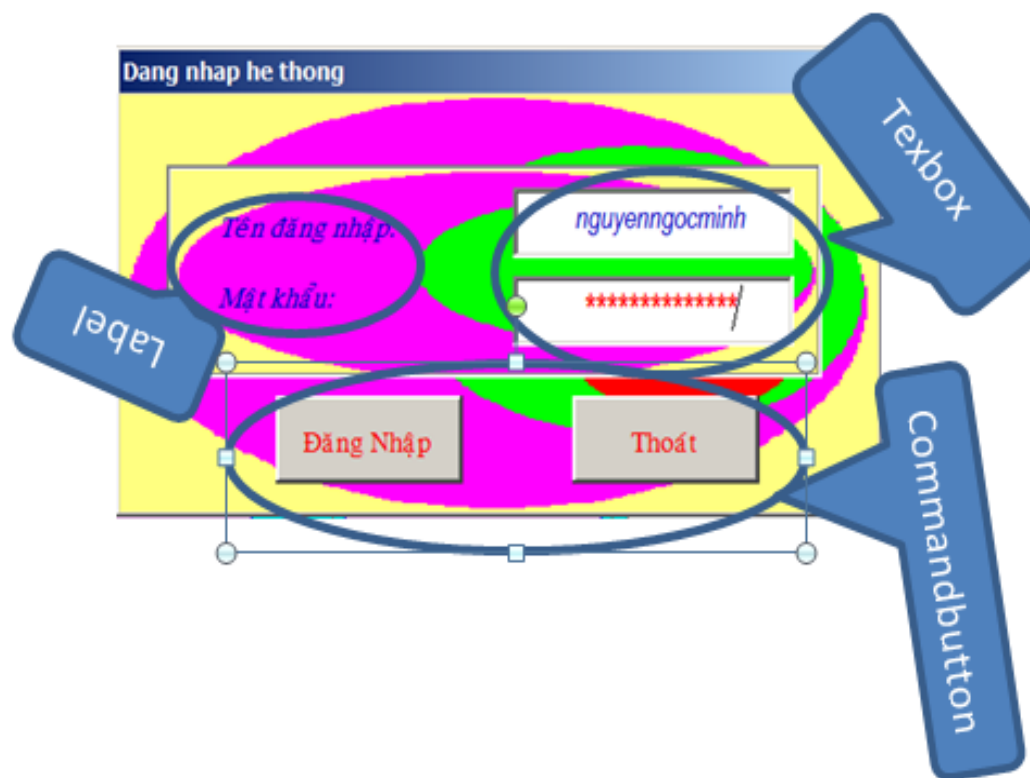
- Click chuột phải vào Form, chọn Properties. Hộp thoại Properties xuất hiện:

- Mục (Name): Đặt tên Form, VD: FrmDangnhap
- Caption: Tiêu đề Form thể hiện lên, VD: Dang nhap he thong

Sau đó ta đưa các đối tượng vào Form

- Tên của các đối tượng trong ví dụ minh họa:

- Text Tên đăng nhập: Txttendangnhap
- Text Mật khẩu: Txtmatkhau
- Nút Đăng nhập: Cmddangnhap
- Nút thoát: Cmdthoat



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

- Double Click chuột vào Form, đưa đoạn mã lệnh vào:

Phương thức khởi động:

```
Private Sub UserForm_Click()
```

Tắt thanh trạng thái:

```
Application.StatusBar = FALSE
```

Gắn thông tin vào tiêu đề:

```
Application.Caption = "KE TOAN EXCEL - Giảng viên: Nguyen Ngoc Minh"
```

Tắt thanh cuộn:

```
Application.DisplayScrollBars = FALSE
```

Di chuyển đến sheet có tên là MAIN

```
Application.Sheets("MAIN").Select
```

```
End Sub
```



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

- Double Click chuột vào Nút Đăng nhập, đưa đoạn mã lệnh vào:

Phương thức đăng nhập hệ thống:

Private Sub Cmddangnhap_Click()

Khai báo biến

Dim USERNAME, PASSWORD As String

Dim i As Integer

Dim TIMTHAY As Boolean

Di chuyển đến worksheet có tên là "Soure"

Worksheets("Soure").Select

Gán giá trị ban đầu cho biến TIMTHAY

TIMTHAY = False



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

	A	B
25	THÀNH VIÊN	
26	USERNAME	PASSWORD
27	tranduyvungoclan	tranduyvungoclan
28	hoangdo	hoangdo
29	nguyenngocminh	nguyenngocminh
30	dothithanhngan	dothithanhngan
31	phamtranquan	phamtranquan
32	nguyenthanhtung	nguyenthanhtung
33	nguyenquocnhat	nguyenquocnhat
34	caohoanghuy	caohoanghuy

Bắt đầu kiểm tra tên và mật khẩu:

$i = 27$

Đưa giá trị đầu tiên vào biến

USERNAME = Range("A" & i).Value

Khi biến USERNAME có giá trị khác rỗng, tức là có thành viên

Do While USERNAME <> ""

Lấy giá trị dòng i, cột A gán vào biến USERNAME

USERNAME = Range("A" & i).Value

Lấy giá trị dòng i, cột B gán vào biến PASSWORD

PASSWORD = Range("B" & i).Value



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

Kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu:

**If (LCase(Trim(Me.Txttendangnhap.Value)) = USERNAME) And
(LCase(Trim(Me.Txtmatkhau.Value)) = PASSWORD) Then**

Nếu có gán giá trị cho biến TIMTHAY = TRUE

TIMTHAY = True

và thoát ra khỏi vòng lặp, không cần tìm nữa.

Exit Do

End If

Nếu không tìm thấy, đi đến dòng kế tiếp

i = i + 1

Loop

Sau khi thoát khỏi vòng lặp, kiểm tra lại biến TIMTHAY

If TIMTHAY = True Then



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

Đóng Form và trở vào Excel

Unload Me

Else

Nếu tìm không thấy thì lên nhắc nhở và xóa giá trị trong các Textbox

Title = "Nhap lai:"

MSG = "Sai roi ban oi!" & Chr(13) & " Nhap lai nhe? "

Response = MsgBox(MSG, 0 + 64, Title)

Me.Txttendangnhap.Value = ""

Me.Txtmatkhau.Value = ""

Di chuyển vào lại Text Đăng nhập

Me.Txttendangnhap.SetFocus

End If

End Sub



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

Phương thức kiểm tra khoảng trắng tên đăng nhập

Private Sub Txttendangnhap_Change()

Khai báo biến

Dim i, Dai As Integer

Dim KYTU As String

With Me

Dai = Len(.Txttendangnhap.Value)

Kiểm tra từng ký tự trong chuỗi đăng nhập

For i = 1 To Dai

Lấy ra 1 ký tự tại vị trí thứ i

KYTU = Mid(.Txttendangnhap.Value, i, 1)

Nếu là ký tự trống

If KYTU = " " Then



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

Hiển thị hộp thoại thông báo

MsgBox "Tên đăng nhập không cho phép có khoảng trắng!", vbOKOnly, "Kế toán Excel"

Rồi xóa Textbox

.Ttxtendangnhap.Value = ""

Di chuyển vào lại Text Đăng nhập

.Ttxtendangnhap.SetFocus

Thoát khỏi vòng lặp

Exit For

End If

Next i

End With

End Sub



TẠO FORM ĐĂNG NHẬP

Phương thức khóa màn hình

```
Private Sub UserForm_QueryClose(Cancel As Integer, CloseMode As Integer)
```

```
    If CloseMode = 0 Then Cancel = True
```

```
End Sub
```

Thoát về Window

```
Private Sub cmdThoat_Click()
```

```
    Application.Quit
```

```
End Sub
```



TỰ ĐỘNG THI HÀNH LỆNH KHI MỞ FILE

Tự động thi hành lệnh khi mở file:

Vào VBA, Double vào ThisWorkbook, rồi đưa đoạn mã lệnh sau vào:

```
Private Sub Workbook_Open()
```

Khi mở file, tự động gọi Form Đăng nhập, sau đó gọi form có tên là FrmMain

```
FrmDangnhap.Show
```

```
FrmMain.Show
```

Rồi hiện thông báo

```
Title = "Khoa KT-KT:"
```

```
MsgBox "      Khoa KT-KT xin chao ban !      " & Chr(13) & Chr(13) & _
```

```
"  FILE CHI DUNG CHO HE DAI HOC      ", vbInformation, Title
```

Chọn sheet có tên là A_MENU

```
Sheets("A_MENU").Select
```



TỰ ĐỘNG THI HÀNH LỆNH KHI MỞ FILE

Khóa thanh cuộn, chỉ cho giới hạn từ ô D4->S28

```
ActiveSheet.ScrollArea = ""
```

```
ActiveSheet.ScrollArea = "$D$10:$S$28"
```

Gán phím tắt để gọi Macro (phím Shift+F4 để gọi Macro có tên là Minh)

```
Application.OnKey "+{F4}", "Minh"
```

```
End Sub
```



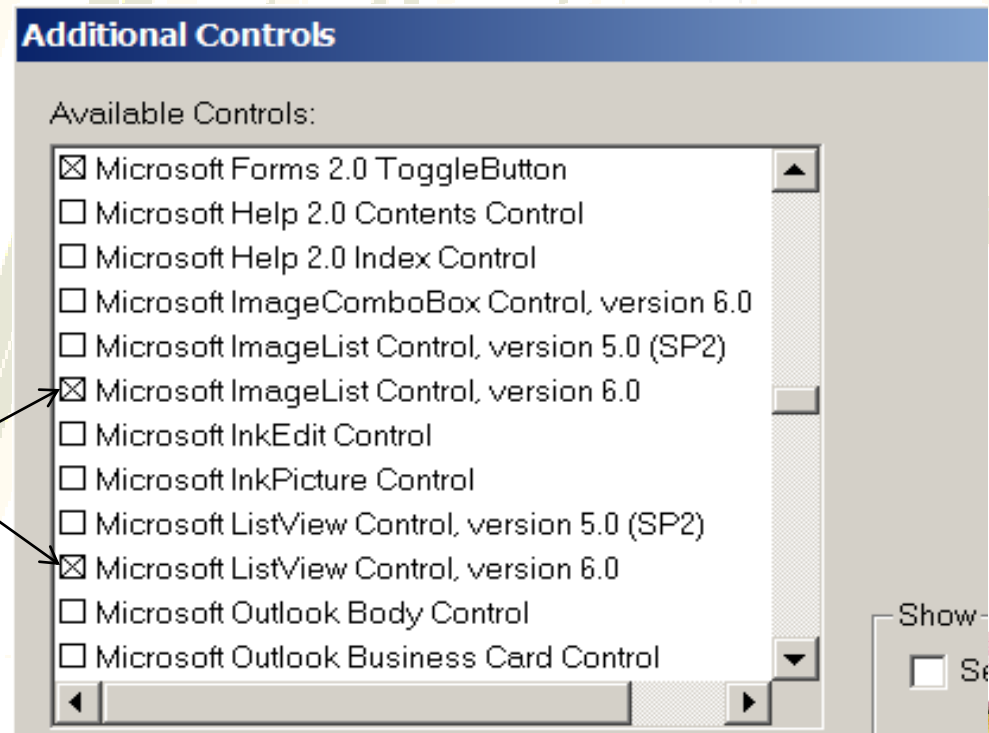
TẠO CÂY THƯ MỤC

VD2: Tạo một Cây phân hệ chứng từ như sau:



Để làm được cây thư mục trước hết Toolbox bạn phải có TreeView và ImageList.

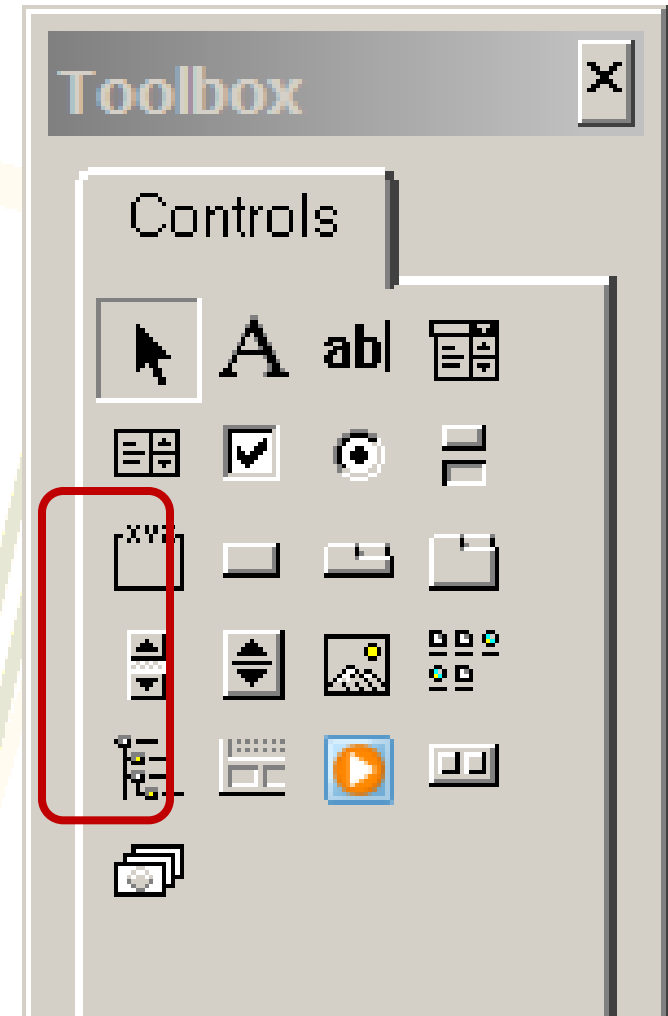
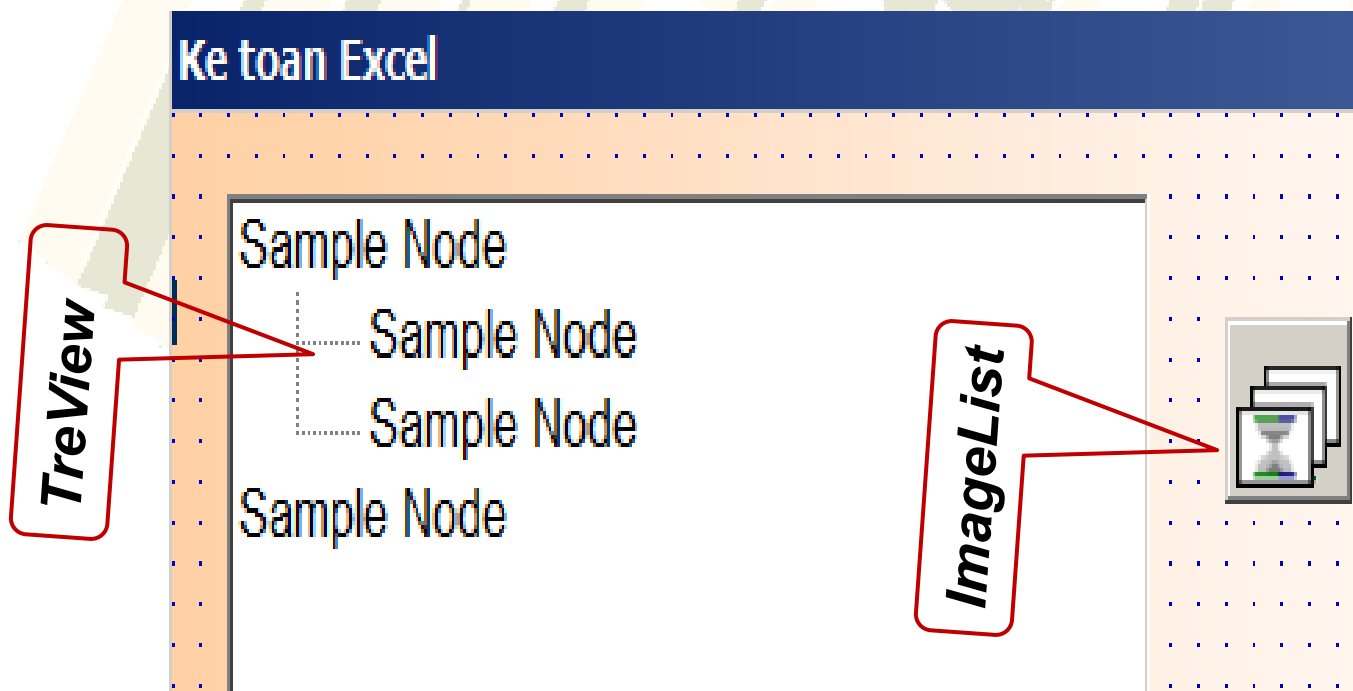
=> Bạn vào Tool (hoặc click chuột phải vào Toolbox), chọn Additional Controls, rồi chọn 2 mục sau:



TẠO CÂY THƯ MỤC

Khi đó bạn sẽ thấy trên Control có thêm 2 công cụ như trên hình vẽ.

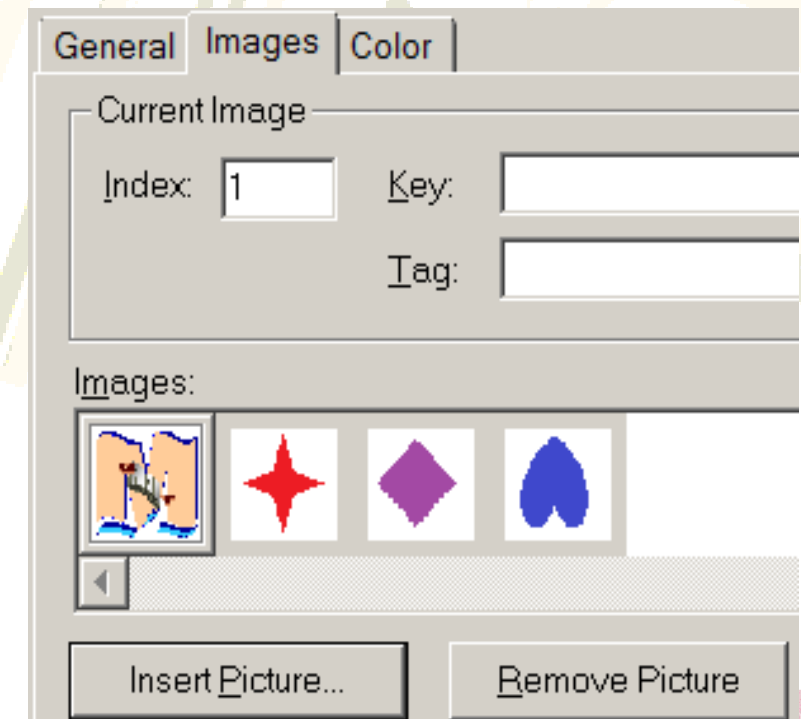
- Bạn chọn TreeView, rồi vẽ lên Form nơi bạn muốn tạo cây thư mục.
- Sau đó chọn ImageList và cũng vẽ lên Form



TẠO CÂY THƯ MỤC

Trong hộp thoại Properties của ImageList, chọn mục Custom (Trong ví dụ này có tên là MinhImageList) => Xuất hiện hộp thoại Property Pages

- Tại Thẻ General chọn Option 16x16
- Qua thẻ Images, vào Insert Picture để chèn hình muốn có tại đầu cây thư mục
- * Chú ý là Cấp của nó được thể hiện ở mục Index
- * Nếu không muốn thì bạn chọn Remove Picture



TẠO CÂY THƯ MỤC

Bây giờ bạn gõ đoạn Code sau cho Form:

```
Private Sub UserForm_initialize()
```

Khai báo biến

```
Dim NodeX As Node
```

Khai báo sử dụng ImageList trong TreeView

```
MinhTreeView.ImageList = MinhImageList
```

Tạo các nút trong TreeView

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add(, , "CV5", "Tai san co dinh", 1)
```

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add("CV5", tvwChild, "CV5_1",  
"Tang tai san", 2)
```

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add("CV5_1", tvwChild,  
"CV5_1_1", "Mua moi tai san", 3)
```

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add("CV5_1", tvwChild,  
"CV5_1_2", "Danh gia lai", 3)
```



TẠO CÂY THƯ MỤC

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add("CV5", twChild, "CV5_2", "Giam tai san", 2)
```

```
Set NodeX = MinhTreeView.Nodes.Add("CV5", twChild, "CV5_3", "Khou hao tai san", 2)
```

```
End Sub
```

Xong bạn chạy thử Form bạn sẽ thấy hoạt động tương tự cây thư mục. Tức bạn Doubleclick thì thư mục con sẽ bung ra, click lần nữa thì nó sẽ thu lại.

Tuy nhiên, đến đây bạn vẫn chưa ứng dụng vào công việc được.

Vậy làm sao khi ta click, thì nó sẽ thực thi một công việc nào đó?

Bạn hãy gán đoạn Code sau vào:



TẠO CÂY THƯ MỤC

Private Sub MinhTreeView_Click()

Khai báo biến lưu trữ mục được chọn trên Treeview

Dim MenuIndex As String

Gán giá trị của mục được chọn trên Treeview vào biến MenuIndex

MenuIndex = MinhTreeView.SelectedItem.Key

Xử lý các trường hợp

Select Case MenuIndex

Case "CV5_1_1"

FrmPhieuThu.Show

Case "CV5_1_2"

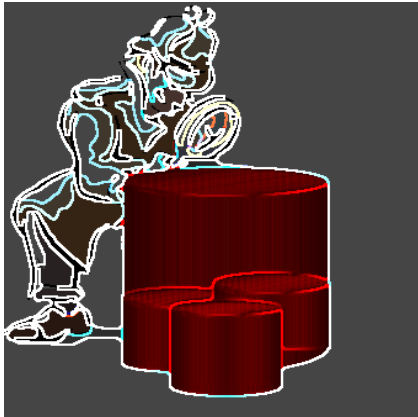
MainForm.Show

End Select

End Sub



CHUYÊN ĐỀ MÔN HỌC



**HAVE A
GOOD TIME!
BYE BYE**

EMAIL: MINHHOANGTELL@YAHOO.COM